

# Múa Giảo long trong hội làng Lệ Mật - Truyền thống và biến đổi

TẠ DUY HIỆN\*

Là một làng cổ, gắn với quá trình khai hoang, lập ấp từ lâu đời của lớp cư dân ven sông, mặc dù nổi danh bằng nghề nuôi rấn, bắt rấn, ẩm thực rấn, song, Lệ Mật (nay là phường Việt Hưng, quận Long Biên, Hà Nội) vẫn là một làng thuần nông. Tính thuần nông đã biểu hiện, chi phối và bao trùm lên toàn bộ văn hoá truyền thống của làng và hàng loạt các yếu tố văn hoá xã hội khác, trong đó có tín ngưỡng thờ thành hoàng làng, một trong những đặc trưng của văn hoá nông nghiệp Việt. Việc phụng thờ thành hoàng làng Lệ Mật, những giai thoại, truyền thuyết xung quanh vị thành hoàng - người có công chém rấn cứu công chúa nhà Lý và mở rộng đất đai sang phía tây kinh thành Thăng Long - những nghi thức tế lễ và đặc biệt là những nội dung và hình thức của múa nghi lễ Giảo long thể hiện sự có mặt của thần hoàng trong lễ hội Lệ Mật... là những yếu tố quan trọng tạo nên diện mạo lễ hội Lệ Mật với sắc thái riêng của nó.

Do múa nghi lễ Giảo long nảy sinh và tồn tại trên cơ sở tục thờ thành hoàng làng Lệ Mật nên nội dung các giai thoại,

truyền thuyết xung quanh vị thành hoàng này được dân gian gắn với những con người và sự kiện lịch sử diễn ra từ những thế kỉ đầu thời Đại Việt (thời Lý, thế kỷ XI, XII). Trải qua thời gian, những yếu tố mang tính linh động vốn phong phú và hỗn nhiên của truyền thuyết dân gian dần dần được thâm nhập, cố định trong văn bản thần tích, thần phả. Chính vì vậy các cụ già làng Lệ Mật cho rằng múa nghi lễ Giảo long đã xuất hiện trong hội làng từ thời Lý(?). Đây là một nhận định khá mơ hồ, bởi chắc chắn chúng ta sẽ không tìm thấy tư liệu nào có đủ sức thuyết phục chứng minh bề dày gần một ngàn năm của điệu múa. Ngay việc khảo sát chặng đường phát triển và những biến đổi của múa Giảo long vào khoảng thời gian vài chục năm trước Cách mạng tháng Tám cũng khó có thể giải đáp trên địa bàn điền dã.

Bạn về sự xuất hiện của điệu múa Giảo long trong hội làng Lệ Mật, có ý kiến cho rằng, trước đây, hội làng Lệ Mật chưa hề có, điệu múa này mới được dàn dựng vào những năm 60 của thế kỉ trước, do sáng kiến của một người nào đó. Nhưng đa số ý

\* Tạ Duy Hiện, Trường Đại học Văn hóa nghệ thuật Quân đội

kiến khác lại cho rằng, múa Giảo long xuất hiện từ lâu đời. Nhiều chục năm qua, do chiến tranh, loạn lạc, lại do quan niệm và cơ chế kinh tế thời bao cấp nên múa Giảo long bị mai một rồi dần rơi vào quên lãng. Những người cho rằng múa Giảo long xuất hiện từ lâu đời đều khẳng định, việc dựng lại thành công điệu múa Giảo long của các chuyên gia Sở Văn hoá thông tin Hà Nội vào những năm đầu thập niên 80 là dựa trên những chi tiết căn bản của điệu múa cũ theo lời kể lại của các cụ già Lệ Mật. Cụ Hoàng Ngọc Dậu, năm nay đã ngoài 80 tuổi, là một trong những vũ công cao tuổi nhất của đội múa Giảo long, mới “nghỉ diễn” một, hai năm nay cho biết: “Trước Cách mạng, múa nghi lễ được trình diễn trong nhà bãi đường, ngay trước điện thờ thành hoàng”. Một vị là cán bộ văn hóa xã khẳng định: “Vào những năm 60, trước khi nhập ngũ, chúng tôi đã được xem múa, nhưng ngày xưa làng múa thế nào thì không nhớ nổi”. Mặc dù người dân địa phương cung cấp các thông tin như trên, nhưng trên thực tế, chúng tôi không tìm thấy một tài liệu nào trước Cách mạng Tháng Tám biên chép về điệu múa của làng. Còn một số tư liệu khác công bố trong một vài thập kỉ gần đây thì viết về múa Giảo long trong hội làng Lệ Mật như một tục lệ đã có từ lâu đời ...

Như vậy, việc xác định thời điểm ra đời của múa Giảo long là một vấn đề không đơn giản. Có một điều chắc chắn là, cho dù đã có từ lâu đời, nhưng trải qua thời gian, dưới tác động của diễn biến lịch sử, kinh tế, xã hội..., so với thời điểm xuất hiện, múa nghi lễ Giảo long ngày nay đã có nhiều biến đổi từ tính chất, chức năng tới

hình thức diễn xướng. Điều này không vượt ra ngoài quy luật phát triển của các loại hình múa dân gian nói chung. Nhà nghiên cứu múa Lâm Tô Lộc đã viết “múa dân gian thường nảy sinh trong lúc người Việt lao động, vui chơi hay tiến hành nghi lễ, phong tục..., gắn liền với hoạt động thực tiễn và biểu diễn hàng ngày của họ. Bởi vậy, nó không thể ổn định ngay từ đầu mà được tiếp tục sáng tạo, được bảo lưu qua trí nhớ, lời kể và việc trao truyền động tác... cho đến khi đạt khuôn dạng phổ biến làm thoả mãn cuộc sống và tâm lý chung của một vùng, một thế hệ, một loại người”<sup>(1)</sup>. Về cơ sở phát sinh, hình thành các vũ điệu dân gian trong lễ hội, Lê Hồng Lý đã có một nhận xét tổng quát rằng: “Những động tác võ thuật như múa gươm, bắn cung, đánh côn ở các hội lễ chỉ là sự lặp lại các động tác của người nguyên thủy khi đi săn bắn. Dần dần về sau này, những động tác ấy đã trở thành nghệ thuật, được nghệ thuật sân khấu hết sức khai thác. Từ những động tác còn thô sơ trước đây, nay trở thành những điệu múa, những trò diễn thuần thực có tính nghệ thuật. Như vậy, có thể nói rằng, nghệ thuật biểu diễn trong hội lễ đã mang những nét của một nền sân khấu sơ khai”<sup>(2)</sup>.

Trên cơ sở khảo sát quá trình sáng tạo và hoàn thiện dần hình tượng thành hoàng làng với sự tích hợp, lưu truyền có chọn lọc những giai thoại, truyền thuyết, trong đó có chi tiết được dùng làm nội dung cốt lõi cho sự ra đời của điệu múa nghi lễ Giảo long là cuộc “chiến đấu giữa chàng trai họ Hoàng và thủy quái”, chúng ta có thể phác họa bước đi khá tuần tự của điệu múa qua thời gian: Từ chỗ hết sức

mục thước nghiêm cẩn, mang tính chất *múa thiêng*, đến chỗ vừa chứa đựng sự nghiêm cẩn, nghi thức vừa dung hợp dần những biểu hiện thoải mái hơn, hoà đồng hơn. Nghĩa là nó chuyển dần từ chỗ thuần là múa nghi lễ - múa thiêng, vốn được thực hiện ngay trong nhà bái đường, trước thần điện (như các cụ già Lệ Mật đã khẳng định), sang hình thức một trò diễn, có thể thực hiện trong những khoảng thời gian, không gian khác nhau (nhiều lần, ở phương đình, ở sân đình, ở ngoài tam quan). Chúng tôi không hề suy diễn khi cho rằng, vũ điệu này, khởi thủy, ở dạng nghi thức thiêng của nó chỉ được trình diễn một lần như là một nghi thức trình báo, trình nghề (diễn lại hành trạng của thành hoàng), rồi sau đó, khi đã dung hợp một số yếu tố mang tính hội hè, nó mới được trình diễn nhiều lần và ở nhiều địa điểm rộng rãi hơn, hoà đồng hơn. Chính vì vậy, múa nghi lễ Giảo long không chỉ có giá trị trong lễ mà còn có giá trị trong hội. Nhiều du khách đến hội làng Lệ Mật cũng chỉ với mong muốn được mục kích trò múa Giảo long với ý nghĩa biểu tượng cũng như với ý nghĩa là một trò diễn chủ đạo trong hội làng. Có thể trong quá trình biến thiên, đứt đoạn, rồi lại được khôi phục, tính chất hội hè được dung nạp và mang dấu ấn ngày càng rõ. Nhưng khi tiếp cận với múa Giảo long, trong môi trường hội làng, trong nghi thức tế, rước, các nhà nghiên cứu cũng như người dân vẫn tôn trọng tính chất nghi lễ vốn có của nó trước khi coi nó như là một yếu tố cơ bản của hội hè. Nhiều cụ cao tuổi trong làng khẳng định, cho đến thời điểm trước Cách mạng tháng Tám (1945) điệu múa này vẫn còn

được trình diễn hàng năm ở sân đình. Vài chục năm tiếp theo, do hoàn cảnh chiến tranh, kinh tế không cho phép nên hội làng Lệ Mật trong những năm đó, mỗi năm chỉ mở một ngày nhằm giữ lệ. Không chỉ có thời gian mà các lễ nghi, thủ tục, trò chơi và một số sinh hoạt văn hoá cũng bị rút ngắn, giản lược hoặc loại bỏ. Múa nghi lễ Giảo long cũng không nằm ngoài tình trạng trên.

Các tư liệu khảo sát về múa nghi lễ Giảo long trong hội làng Lệ Mật đều khẳng định, điệu múa đang được trình diễn hiện nay đã được khôi phục trên cơ sở điệu múa truyền thống của làng (tức vũ điệu Giảo long tồn tại vào thời kỳ trước Cách mạng tháng Tám). Một trong số người có công nghiên cứu và khôi phục lại điệu múa này vào những năm đầu của thập kỉ 80 là nghệ sĩ Cao Thúy Hạnh. Chúng tôi trực tiếp phỏng vấn bà vào đúng ngày mừng bẩy Tết Đình Hội, khi bà sang Lệ Mật tổng duyệt chương trình múa Giảo long trước khi đội múa của làng tham dự "Liên hoan múa cổ truyền Thăng Long - Hà Nội"<sup>(3)</sup> do Sở Văn hóa Thông tin tổ chức. Bà Hạnh cho biết: Năm 1980, sau khi ở Liên Xô về, bà nhận một nhiệm vụ của Phòng Nghệ thuật quần chúng, Sở Văn hóa thông tin Hà Nội là "đi khai thác, khôi phục và bảo tồn các điệu múa dân gian". Khi được biết, một làng trên địa bàn huyện Gia Lâm đã từng tồn tại một điệu múa cổ - múa rần, bà đã phối hợp với một số cán bộ Phòng Văn hóa thông tin huyện đến Lệ Mật tìm hiểu. Bà Hạnh nói: Khi chúng tôi sang, họ có biểu diễn cho xem. Không biết múa Giảo long trước và sau Cách mạng<sup>(4)</sup> giống và khác nhau thế

nào. Nhưng với mục đích bảo tồn, gìn giữ và “nâng cấp” các điệu múa truyền thống, trước khi bắt tay vào dàn dựng, tu chỉnh lại, chúng tôi có mời thêm một số diễn viên chuyên nghiệp, biên đạo múa để tham khảo và những người có tuổi trong làng, ai còn nhớ chút ít về điệu múa ngày xưa đều được “triệu” đến cố vấn, đóng góp ý kiến. Nội dung, ý nghĩa và kịch bản của “múa cũ” về cơ bản cũng như điệu múa hiện nay, đó là cốt lõi của câu chuyện chém rắn, cứu công chúa thông qua lời kể của bà con. Múa nghi lễ Giáo long đã được khôi phục, dàn dựng lại trong hoàn cảnh như vậy. Biên đạo là một nghề không đơn giản. Nếu như chúng ta đưa ra ý đồ của mình, tự cho thêm động tác, thêm nội dung hoặc “can thiệp” quá nhiều là sai, là thô bạo. Hãy hình dung múa Giáo long ở Lệ Mật giống như một thửa ruộng đã được gieo trồng, canh tác; nếu như người ta đã trồng cây rồi, chúng ta không thể nhổ gốc lên mà trồng lại, vì vậy, tôi chỉ làm nhiệm vụ của người vun vén, cắt tỉa, sửa sang cho gọn gàng, thẳng hàng, thẳng lối. Việc thêm vào hay cắt bớt đi một động tác, một đoạn múa phải dựa trên cơ sở các điệu múa dân tộc (đặc biệt là múa dân gian vùng đồng bằng châu thổ Bắc Bộ). Trước đây, các động tác múa của làng thường sơ sài, rời rạc, không lớp lang; các vai múa như vai công chúa, vai chèo thuyền thường chỉ mang tính mô phỏng, rất đơn điệu. Chính vì vậy, cần phải chỉnh sửa lại đội hình cho gọn. Ví dụ, trong tổ khúc múa chiến đấu (đánh nhau với Giáo long), họ chỉ có một vài thao tác chém lên chém xuống, còn con rắn quay đi, lộn lại mà kéo dài tới 20 phút, rồi lại còn khẩn Trời, khẩn

Phật mãi. Cả điệu múa kéo dài tới 50 phút. Như vậy, dù múa hay đến đâu, người xem cũng cảm thấy nhàm chán, đơn điệu, không hào hứng. Tôi đã thêm bớt mỗi đoạn một chút. Một số thao tác cần phải nâng lên để người xem phân biệt đây là động tác gì. Ví như động tác múa đao của viên tướng nhà Lý ra sao, động tác bơi “cạn” của chàng trai Lệ Mật thế nào. Đoạn múa “khẩn Trời khẩn Phật” phải cắt bớt cho đỡ “dài dòng”. Đến nay điệu múa chỉ còn diễn ra trong vòng 25 - 30 phút, đủ để người xem thấy sinh động, hấp dẫn, thậm chí còn muốn xem đi, xem lại.

Về việc sử dụng âm nhạc trong múa, cũng theo bà Hạnh, múa Giáo long của làng trước đây mang tính “kịch câm” nhiều hơn vì hầu như không có nhạc đệm. Còn hiện nay, ngoài việc sử dụng trống (là chính) có thêm âm nhạc phụ họa của múa sênh, múa bông cho thêm phần sinh động. Trang phục cũng vậy. Trước đây diễn viên ăn mặc rất lộn xộn, thường có gì mặc nấy, miễn là khác ngày thường, chủ yếu theo kiểu trang phục của những người hát chầu văn (lên đồng). Hiện nay, trang phục lại có phần ảnh hưởng của sân khấu chuyên nghiệp, tuy không hoàn toàn giống.

Như vậy, trước khi được tu chỉnh bởi những bàn tay chuyên nghiệp, múa Giáo long chỉ giống như một nghi thức, một trò diễn kể lại sự tích chém rắn của vị thành hoàng. Các thao tác múa có thể tồn tại một cách đơn điệu và sơ sài nhưng lại không thể vắng mặt trong toàn bộ diễn trình hội làng.

Khảo sát các khúc múa mới (hiện nay) và so sánh với múa cũ thông qua lời kể của các cụ già Lệ Mật và bà Cao Thúy

Hạnh, có thể thấy rõ: cơ sở vật chất và tinh thần - cái làm nên xương cốt của điệu múa (là câu chuyện về chàng trai Lệ Mật tài ba, có công chém rắn cứu công chúa) đã được bảo lưu từ quá khứ tới hiện tại. Các tình tiết, lớp lang, màn cảnh... cũng được nhóm dàn dựng cố gắng bám sát phục hồi theo nguyên mẫu, đúng như lời bà Hạnh đã nói: “Chúng tôi chỉ làm công việc quét vôi cho toà nhà cũ”. Tuy nhiên, dù có khéo léo đến đâu, điệu múa nghi lễ Giảo long đang được trình diễn hiện nay vẫn không tránh được dấu ấn của những bàn tay chuyên nghiệp.

Chúng tôi cho rằng, xét về nguyên lý vũ đạo học, chắc chắn đội hình, động tác, tiết tấu, v.v... của múa Giảo long ngày xưa đơn giản, sơ sài hơn múa Giảo long ngày nay. Nếu điệu múa xưa mang nặng tính tả, kể thì vũ điệu Giảo long ngày nay bộc lộ rõ tính khái quát, ước lệ. Ví dụ như động tác quỳ nâng kiếm lên ngang đầu của chàng trai họ Hoàng trong khúc múa chiến đấu có thể truyền đạt nhiều thông tin khác nhau (xin phép vua và triều đình cho đi cứu công chúa; cúi chào, tạm biệt bà con dân làng trước khi đi giết thủy quái). Hay động tác chàng trai dang tay đo chiều dài của thủy quái, chân xoắn dài từng bước khoáng đạt, ít nhiều ảnh hưởng phong cách kịch múa hiện đại.

Nhìn trên tổng thể, mặc dù điệu múa Giảo long hiện nay cũng bám sát theo đúng trình tự nội dung, tình tiết như điệu múa ngày xưa, nhưng từng lớp lang, màn cảnh đã được *bố cục* rõ ràng, mạch lạc hơn, kịch tính đã được đẩy lên cao hơn, các kỹ thuật, kỹ xảo của các tuyến đội hình được cấu trúc *bài bản* hơn. Đặc biệt,

lời thuyết minh cho từng khúc múa là yếu tố chưa từng thấy trong bất kỳ một vũ điệu dân gian nào (song, không phải ở buổi biểu diễn nào, lời thuyết minh này cũng được sử dụng).

Theo dõi quá trình vận động của điệu múa này trong môi trường diễn xướng hội làng Lệ Mật hơn một thập kỉ qua (1997 - 2008), chúng ta có thể nhận thấy rõ sự hòa nhập, biến đổi của điệu múa trong tiến trình phát triển văn hóa làng Lệ Mật ra sao.

Thực ra, chỉ có những năm đầu mới khôi phục, dàn dựng, đội múa Giảo long mới có người dạy, huấn luyện một cách bài bản, những năm sau đó đội múa Giảo long tự luyện tập với nhau. Đây cũng là một trong những phương thức trao truyền, bảo lưu của dân gian Lệ Mật, vì như vậy, các cuộc tập dượt không còn mang tính thụ động. Bản thân mỗi người được tham gia trong đội múa phải tự ý thức tinh thần trách nhiệm và niềm vinh dự của mình khi được hầu thánh.

Trải qua thời gian từ năm 1981 đến nay, một số “điểm” trong kịch bản cũng như trong ý đồ của người dàn dựng đã ít nhiều bị cải biên, thay đổi. Các diễn viên của làng trong khi luyện tập hàng năm thấy cần thêm bớt chi tiết nào, họ tự ý thêm bớt tùy theo điều kiện, hoàn cảnh chủ quan hay khách quan. Cũng có những chi tiết họ bị quên, hoặc nếu không quên nhưng thấy làm theo khó nên cũng tự bỏ, đặc biệt trong các “bước” múa có một số kĩ thuật phức tạp mà tập theo sẽ mất nhiều công sức. Vì họ không phải là diễn viên chuyên nghiệp, số người tham gia đội múa cũng thay đổi theo từng năm do còn phải

lập nghiệp, lập gia đình. Hơn nữa, thời gian dành cho các buổi luyện tập thường không có nhiều nên buộc họ phải lược bớt. Đây cũng là một trong những yếu tố rất uyển chuyển, mang đậm tính chất dân gian và văn hóa làng xã. Khúc múa khai hoang, cho đến năm nay, 2007, gần như bị bỏ (những năm trước, tùy theo cảm hứng, khi bỏ khi không). Theo lời các cụ già Lê Mật, nếu theo đúng “bài bản” ban đầu của bà Hạnh, số người tham gia vào đội múa lớt và múa du thuyền rất đông, nên đội hình khá “rườm rà”, vả lại, dân làng không có đủ người dùng cho tất cả các tiết mục trong hội. Một chi tiết nữa cũng được cải biên là đội hình 13 cô trong đội nghi lễ múa Giảo long, tượng trưng cho 13 làng trại, ở khúc múa chúc tụng trước đây được đeo biển ghi tên từng làng trại, sau này, do số làng, tên làng thay đổi (về cơ cấu hành chính), để tránh rắc rối và tránh sự hiểu lầm giữa các trại, các cụ trong Ban tổ chức đã quyết định bỏ các biển này đi, thay vào đó là hoa và cờ đuôi nheo. Đây là một sự cải biên rất uyển chuyển và thức thời. Quan sát các khúc múa diễn ra trong lễ hội mấy năm gần đây, có thể thấy, người đóng vai công chúa, sau khi được “vớt xác” lên lại tiếp tục sống, khỏe mạnh và vẫn trong trang phục cũ lại trở thành một thôn nữ, cũng tham gia múa khúc khải hoàn mừng chiến thắng. Cũng giống chàng trai đóng vai dũng sĩ chém rắn, sau trở thành thành hoàng làng và các diễn viên trong lớt Giảo long, ngoài khoảng thời gian tham gia trong đội hình, họ có thể trở thành người rước kiệu, khênh đòn (trong lễ rước nước), tham gia múa sênh, hoặc đánh bắt cá ở giếng đình..., nghĩa là

rất đa năng, đa nghệ. Điều này cho thấy dân gian có một lối tư duy riêng, họ không thể và cũng không muốn lệ thuộc vào những logic thông thường và quy tắc có tính trường quy của các đạo diễn.

Theo suy nghĩ của chúng tôi, mặc dù sẽ còn có nhiều diễn biến trong suốt quá trình tự điều chỉnh để tiếp tục định hình và phát triển, cho dù múa Giảo long ngày nay chắc chắn đã khác xa múa ngày xưa (trước Cách mạng tháng Tám) về nhiều phương diện, do sự tiếp thu, thâu nạp một số thành tựu của múa hiện đại để làm giàu thêm vốn liếng của mình, nhưng điều quan trọng là nó đã được cộng đồng dân cư ở cả hai vùng kinh quán, cự quán tiếp nhận một cách nhiệt thành, cởi mở. Chính trong môi trường hội hè, đình đám làng Lê Mật, múa Giảo long sẽ tiếp tục được duy trì, nuôi dưỡng để nó trở thành một phần không thể thiếu trong dòng chảy văn hoá, lịch sử của làng./.

## CHÚ THÍCH

1. Lâm Tô Lộc (1979), *Nghệ thuật múa dân tộc Việt*, Nxb. Văn hoá, H, tr. 22.
2. Lê Hồng Lý (1984), “Mối quan hệ giữa lễ hội và nghệ thuật biểu diễn”, *Văn hoá dân gian*, (4), tr. 74.
3. Liên hoan này diễn ra tại Tượng đài Lý Công Uẩn, bên hồ Hoàn Kiếm, Hà Nội, ngày mùng tám tháng giêng năm Đinh Hợi (2007).
4. Túc vào thời điểm 1960 - 1980, trước khi được bà Hạnh dàn dựng lại; cũng được gọi là “múa cũ - để phân biệt với “múa mới” là múa đang được trình diễn hiện nay - TG.